

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày 05-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mỏ Măng; bà Trần Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc - tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Công Đ, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001. Nơi sinh: Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần T, sinh năm 1980 và con bà Lê Thị N, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: 01. Tại Quyết định xử phạt hành chính số 35/QĐ-XPHC quyền số 01, ngày 24/9/2021 của Công an thị trấn P, huyện K. Trần Công Đ bị Công an thị trấn P, huyện K xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã và bị tạm giữ ngày 12/6/2022; Bị tạm giam ngày 15/6/2022 cho đến nay. Hiện đang tạm giam - *Có mặt*.

Bị hại: Ông Trần Minh N1, sinh năm: 1975. Địa chỉ: tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*.

2. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 24/11/2021, Trần Công Đ điều khiển xe mô tô biển số 47M1-563.70 đến tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K, lấy trộm 02 tấm cốt pha bằng kim loại kích thước 1m x 1m để lên xe mô tô chở đến tổ dân phố Z, thị trấn P, huyện K, cất giấu rồi quay lại tiếp tục trộm cắp 02 tấm cốt pha bằng kim loại kích thước 50cm x 1m thì bị ông Trần Minh N1 phát hiện nên Đ để xe mô tô cùng 02 tấm cốt pha tại hiện trường rồi bỏ chạy. Đến chiều cùng ngày, khi làm việc với Công an Trần Công Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra Trần Công Đ khai ngoài việc thực hiện vụ trộm cắp tài sản ngày 24/11/2021 thì vào các ngày 18, 20 và ngày 21/11/2021 Trần Công Đ đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 18/11/2021, Trần Công Đ điều khiển xe mô tô biển số 47M1-563.70 đi đến tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K, thì thấy có nhiều tấm cốt pha bằng kim loại nhưng không có người trông coi nên đã lấy trộm 04 tấm cốt pha kích thước 1m x 1m và 01 tấm cốt pha kích thước 50cm x 1m để lên xe rồi chở đến bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của Trần Thị H, tại tổ dân phố X, thị trấn Phước An được 500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 20/11/2021, Trần Công Đ điều khiển xe mô tô biển số 47M1-563.70 đến tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K, thì thấy có nhiều tấm cốt pha bằng kim loại nhưng không có người trông coi nên đã lấy trộm 02 tấm cốt pha bằng kim loại kích thước 1m x 1m và 01 tấm cốt pha bằng kim loại kích thước 50cm x 1m rồi để lên xe chở đến bán cho bà Trần Thị H được 400.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ ngày 21/11/2021, Trần Công Đ điều khiển xe mô tô biển số 47M1-563.70 đến tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K thấy có nhiều tấm cốt pha bằng kim loại nhưng không có người trông coi nên đã lấy trộm 02 tấm cốt pha bằng kim loại kích thước 1m x 1m và 04 tấm cốt pha bằng kim loại kích thước 50cm x 1m để lên xe chở đến bán cho Trần Thị H được 420.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐG ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận:

- 05 tấm cốt pha bằng kim loại đã qua sử dụng, tài sản tại thời điểm ngày 18/11/2021 gồm: 04 tấm cốt pha kích thước 1m x 1m trị giá 627.600 đồng và 01 tấm cốt pha kích thước 50cm x 1m có giá trị 78.450 đồng;

- 03 tấm cốt pha bằng kim loại đã qua sử dụng, tài sản tại thời điểm xảy ra ngày 20/11/2021 gồm: 02 tấm cốt pha kích thước 1m x 1m có giá là 313.800 đồng và 01 tấm cốt pha kích thước 50cm x 1m có giá là 78.450 đồng;

- 06 tấm cốt pha bằng kim loại đã qua sử dụng, tài sản tại thời điểm xảy ra ngày 21/11/2021 gồm: 02 tấm cốt pha kích thước 1m x 1m có giá là 313.800 đồng và 04 tấm cốt pha kích thước 50cm x 1m có giá trị 313.800 đồng;

- 04 tấm cốt pha bằng kim loại đã qua sử dụng, tài sản tại thời điểm xảy ra ngày 24/11/2021 gồm: 02 tấm cốt pha kích thước 1m x 1m có giá trị là 313.800 đồng và 02 tấm cốt pha kích thước 50cm x 1m có giá là 156.900 đồng.

Tổng tài sản được định giá tại thời điểm bị xâm hại ngày 18/11/2021, 20/11/2021, 21/11/2021 và 24/11/2021 là 2.196.600 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- 02 tấm cốt pha có kích thước 1m x 1m và 06 tấm cốt pha có kích thước 50cm x 1m. Quá trình điều tra xét thấy không cần phải tạm giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Trần Minh N1 là chủ sở hữu;

- 01 xe mô tô biển số 47M1-563.70 quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bà Lê Thị N là mẹ ruột của Trần Công Đ. Vào các ngày 18/11/2021, 20/11/2021, 21/11/2021 và 24/11/2021 Trần Công Đ sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội thì bà Nhung không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả lại xe trên cho bà Lê Thị N là chủ sở hữu.

Vật chứng không thu giữ được: 08 tấm cốt pha có kích thước 1m x 1m và 02 tấm cốt pha có kích thước 50cm x 1m.

Đối với Trần Thị H khi mua các tấm cốt pha của Trần Công Đ thì Hà không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của Trần Thị H không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Lê Thị N không biết Trần Công Đ sử dụng xe mô tô biển số 47M1-563.70 để đi trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị N.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-HS ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đã truy tố bị cáo Trần Công Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trần Công Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Công Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Công Đ mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 12/6/2022.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trao trả 02 tấm cốt pha có kích thước 1m x 1m và 06 tấm cốt pha có kích thước 50cm x 1m cho ông Trần Minh N1 là chủ sở hữu; Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trao trả 01 xe mô tô biển số 47M1-563.70 cho bà Lê Thị N là chủ sở hữu.

+ Đối với vật chứng không thu giữ được gồm: 08 tấm cốt pha có kích thước 1m x 1m và 02 tấm cốt pha có kích thước 50cm x 1m nên không đề cập để giải quyết.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, bị cáo Trần Công Đ đã bồi thường cho bị hại Trần Minh N1 tổng số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Bị hại không yêu cầu

bị cáo Trần Công Đ phải bồi thường thêm nên không đề cập để giải quyết; Bà Trần Thị H đã nhận lại số tiền 420.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án nhẹ nhất.

Khi nói lời sau cùng bị cáo Trần Công Đ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất, để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo Trần Công Đ tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ 24/11/2021, Trần Công Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 04 tấm cốt pha có giá trị 470.700 đồng thì bị phát hiện nên bị cáo đã để xe mô tô biển số 47M1.563.70 cùng vật chứng tại hiện trường. Quá trình điều tra bị cáo Trần Công Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự thú ngoài hành vi bị phát hiện thì vào các ngày 18, 20 và ngày 21/11/2021 đã thực hiện hành vi trộm cắp 14 tấm cốt pha các loại của ông Trần Minh N1 tại tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K. Tổng tài sản Đ trộm cắp có giá trị 2.196.600 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

[3] Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo phải biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, với hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy

cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác và lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Trần Minh N1 nên bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản 18 tấm cốt pha các loại của ông Trần Minh N1 tại tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K vào 24/11/2021 và các ngày 18, 20 và ngày 21/11/2021. Tổng tài sản có trị giá 2.196.600 đồng.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có 01 tiền sự, sau khi phạm tội trong quá trình đang điều tra thì bị cáo bỏ trốn; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; bị cáo tự thú; bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, i, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[6] Đối với Trần Thị H khi mua các tấm cốt pha của Trần Công Đ thì H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của Trần Thị H không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp.

Đối với Lê Thị N không biết Trần Công Đ sử dụng xe mô tô biển số 47M1-563.70 để đi trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị N là phù hợp.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trao trả 02 tấm cốt pha có kích thước 1m x 1m và 06 tấm cốt pha có kích thước 50cm x 1m cho ông Trần Minh N1 là chủ sở hữu; Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trao trả 01 xe mô tô biển số 47M1-563.70 cho bà Lê Thị N là chủ sở hữu;

Đối với vật chứng không thu giữ được gồm có: 08 tấm cốt pha có kích thước 1m x 1m và 02 tấm cốt pha có kích thước 50cm x 1m nên không đề cập để xem xét giải quyết.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, bị cáo Trần Công Đ đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Trần Minh N1 tổng số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Ông Trần Minh N1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Công Đ đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 420.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) là tiền đã mua các tấm cốt pha của Trần Công Đ. Bà Trần Thị H không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[9] Xét thấy việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt, xử lý vật

chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Công Đ phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Công Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Công Đ 09 (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 12/6/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trao trả 02 tấm cốt pha có kích thước 1m x 1m và 06 tấm cốt pha có kích thước 50cm x 1m cho ông Trần Minh N1 là chủ sở hữu; Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trao trả 01 xe mô tô biển số 47M1-563.70 cho bà Lê Thị N là chủ sở hữu.

Đối với vật chứng không thu giữ được gồm có 08 tấm cốt pha có kích thước 1m x 1m và 02 tấm cốt pha có kích thước 50cm x 1m nên không đề cập để xem xét giải quyết.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận bị cáo Trần Công Đ đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Trần Minh N1 tổng số tiền 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*). Ông Trần Minh N1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Chấp nhận bị cáo Trần Công Đ đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 420.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) bà Trần Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Công Đ phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an huyện Krông Pắc;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Pắc;
- HSNV Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
-;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh